

CHÍNH PHỦ
Số: 30/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành Quy chế phát hành và sử dụng séc

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế phát hành và sử dụng séc, áp dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 1996. Các quy định trước đây về phát hành và sử dụng séc đều bãi bỏ. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG SÉC

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 30/CP ngày 09 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Séc là lệnh trả tiền của chủ tài khoản, được lập trên mẫu do Ngân hàng Nhà nước quy định, yêu cầu đơn vị thanh toán trích một số tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán của mình để

trả cho người thụ hưởng có tên ghi trên séc hoặc người cầm séc.

Séc có thể chuyển nhượng theo những quy định trong Quy chế này:

Điều 2. Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

Chủ tài khoản: Là người đứng tên mở tài khoản tiền gửi thanh toán và là chủ sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu số tiền ghi trên tài khoản đó.

Người phát hành séc: Là chủ tài khoản tiền gửi thanh toán hoặc người được uỷ quyền, ký tên để phát hành tờ séc theo đúng quy định của pháp luật về uỷ quyền.

Người thụ hưởng séc: Là người có quyền sở hữu số tiền ghi trên séc.

Người chuyển nhượng séc: Là người chuyển quyền sở hữu số tiền ghi trên séc của mình cho người khác.

Đơn vị thanh toán: Là đơn vị giữ tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ tài khoản, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ thanh toán.

Đơn vị thu hộ: Là đơn vị được phép nhận séc với tư cách làm đại lý cho người thụ hưởng séc để thu hộ tiền. Một đơn vị cùng hệ thống với đơn vị thanh toán khi tiếp nhận séc cũng được coi là đơn vị thu hộ.

Bảo chi séc: Là việc đơn vị thanh toán xác nhận tờ séc có đủ tiền thanh toán.

Séc ký danh: Là séc có ghi họ, tên người thụ hưởng séc.

Séc vô danh: Là séc không ghi họ, tên người thụ hưởng séc.

Điều 3. Người phát hành séc, người chuyển nhượng séc, người thụ hưởng séc là cá nhân hoặc đại diện pháp nhân.

Điều 4. Người phát hành séc, chuyển nhượng séc có trách nhiệm đối với tờ séc từ khi mình ký phát hành hoặc ký chuyển nhượng cho đến khi người thụ hưởng cuối cùng nhận đủ tiền.

Điều 5. Các thời hạn quy định trong Quy chế này bao gồm cả ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ. Nếu ngày kết thúc của thời hạn là ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ thì thời hạn được lùi vào ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó.

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA TỜ SÉC

Điều 6. Tờ séc phải được in và ghi bằng tiếng Việt Nam và bao gồm các yếu tố sau đây:

Ở mặt trước của tờ séc:

Chữ "Séc" được in bằng chữ in hoa;

Số séc;

Yêu cầu trả một số tiền được ghi bằng số và bằng chữ;

Họ, tên, địa chỉ, số hiệu tài khoản của người phát hành séc;

Họ, tên, địa chỉ, số hiệu tài khoản (nếu có) của người thụ hưởng séc.

Tên, địa chỉ của đơn vị thanh toán;

Nơi và ngày ký phát hành séc;

Chữ ký của người phát hành séc.

Mặt sau của tờ séc dùng để quy định việc chuyển nhượng.

Điều 7. Tờ séc hợp lệ phải có đầy đủ các yếu tố quy định tại Điều 6 của Quy chế này; không bị tẩy xóa, sửa chữa; số tiền bằng chữ và bằng số phải khớp nhau.

Điều 8. Việc sửa đổi, bổ sung các yếu tố của séc phải do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. Các trường hợp ghi thêm vào tờ séc về lãi suất hoặc các điều kiện thanh toán là không hợp lệ.

Điều 9. Séc được dùng để:

Trả tiền cho người được ghi tên trên séc;

Trả tiền cho người cầm séc;

Rút tiền mặt tại đơn vị thanh toán.

Điều 10. Séc không được phép lấy tiền mặt khi tờ séc đã được gạch hai đường song song chéo góc ở phía trên bên trái hoặc đã được ghi từ "chuyển khoản" ở mặt trước của tờ séc.

Điều 11. Thời hạn hiệu lực thanh toán của tờ séc là 15 ngày.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI PHÁT HÀNH SÉC

Điều 12. Chủ tài khoản được phép uỷ quyền cho người khác ký phát hành séc thay mình. Việc uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật. Người được uỷ quyền ký phát hành séc có quyền hạn và nghĩa vụ như chủ tài khoản trong phạm vi được uỷ quyền.

Điều 13. Người phát hành séc phải bảo đảm trả toàn bộ số tiền đã ghi trên tờ séc.

Sau khi tờ séc được phát hành, nếu người phát hành séc là cá nhân bị chết, bị toà án tuyên bố mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì tờ séc vẫn có giá trị đòi thanh toán.

Trường hợp séc do đại diện pháp nhân phát hành, nếu pháp nhân đó bị giải thể, bị tuyên bố phá sản hoặc bị phong toả tài khoản thì tờ séc được chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Người phát hành séc được quyền yêu cầu đơn vị thanh toán bảo chi tờ séc sẽ phát hành.

Việc bảo chi được thực hiện bằng cách đơn vị thanh toán ký xác nhận và đóng dấu "Bảo chi" vào mặt trước của tờ séc.

Khi yêu cầu bảo chi tờ séc, người phát hành séc phải làm thủ tục lưu ký số tiền ghi trên tờ séc vào một tài khoản riêng tại đơn vị thanh toán để chi trả cho người thụ hưởng séc.

Điều 15. Người phát hành séc làm mất séc phải thông báo ngay cho đơn vị thanh toán. Thông báo mất séc được coi là lệnh đình chỉ thanh toán séc.

Séc đã bị lợi dụng để rút tiền tại đơn vị thanh toán trước khi đơn vị thanh toán nhận được thông báo mất séc thì người làm mất séc phải chịu mọi thiệt hại.

CHƯƠNG IV

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Điều 16. Trong thời hạn hiệu lực thanh toán của tờ séc, người thụ hưởng séc có quyền trực tiếp nộp séc cho đơn vị thanh toán hoặc thông qua đơn vị thu hộ để đòi thanh toán. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể nộp séc trong thời hạn hiệu lực thanh toán, khi hết thời gian bất khả kháng, người thụ hưởng séc phải nộp séc kịp thời cho đơn vị thanh toán kèm theo xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú hoặc nơi làm việc về lý do bất khả kháng.

Điều 17. Người thụ hưởng séc có quyền chuyển nhượng tờ séc cho người khác bằng cách ký tên vào nơi quy định cho việc chuyển nhượng ở mặt sau của tờ séc, trừ trường hợp người phát hành séc đã ghi cụm từ "không được phép chuyển nhượng".

Đối với séc ký danh khi chuyển nhượng phải ghi rõ họ, tên người được chuyển nhượng.